

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh được lập ngày 24 tháng 07 năm 2014, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 06 tháng đầu năm 2014 và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến về công tác soát xét**

Trên cơ sở công tác soát xét, Chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2014



**VĂN NAM HẢI – Phó giám đốc**  
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0832-2013-037-1

**NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên**  
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2013-037-1

### **Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Vietland

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

Địa chỉ: Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC****BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 đã được soát xét.

**KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa Xí nghiệp nước Long Khánh theo Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 24 tháng 09 năm 2007 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 18 tháng 02 năm 2008.

*Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có điều chỉnh giấy phép như sau:*

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 23 tháng 03 năm 2011, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Lê Văn Thới thay thế cho Ông Nguyễn Xuân Yên.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 29 tháng 05 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 11 tháng 06 năm 2013 chuẩn y việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh.

- **Vốn điều lệ** : **25.000.000.000 VND**

*Cơ cấu vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:*

STT	Tên cổ đông sáng lập	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)
1.	Công ty TNHH một thành viên cấp nước Đồng Nai	1.275.000	51,00	12.750.000.000
	Đại diện bởi:			
	+ Ông Nguyễn Văn Bình	500.000	20,00	5.000.000.000
	+ Ông Nguyễn Xuân Yên	275.000	11,00	2.750.000.000
	+ Ông Lê Văn Anh	250.000	10,00	2.500.000.000
	+ Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	250.000	10,00	2.500.000.000
2.	Công đoàn	25.000	1,00	250.000.000
	Đại diện bởi:			
	+ Ông Nguyễn Văn Hoà	25.000	1,00	250.000.000
3.	Vốn người lao động	80.300	3,21	803.000.000
4.	Nhà đầu tư chiến lược	245.000	9,80	2.450.000.000
5.	Cổ Đông khác	874.700	34,99	8.747.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>2.500.000</b>	<b>100,00</b>	<b>25.000.000.000</b>

- **Trụ sở hoạt động chính**

Địa chỉ : Số 02 Bis đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : (084 – 061) 3.877.241

Fax : (084 – 061) 3.783.879

Mã số thuế : **3 6 0 0 9 7 9 2 2 3**



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Ngành nghề kinh doanh:** Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp. Phân phối nước sạch; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Theo dõi, giám sát thi công công trình cấp thoát nước. Tư vấn đầu thầu; Sản xuất các cấu kiện kim loại: Sản xuất sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc ( Không sản xuất tại trụ sở); Lắp đặt hệ thống, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm. Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước; Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi; Thoát nước và xử lý nước thải: Xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật); Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình giao thông; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc thiết bị ngành nước.
- Thời gian hoạt động của Công ty theo Giấy phép đầu tư là 43 năm.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

#### *Hội đồng Quản trị*

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Bính	Chủ tịch Công ty
Ông Lê Văn Thới	Phó Chủ tịch
Ông Lê Văn Anh	Thành viên
Ông Đào Quý Tính	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Huy	Thành viên

#### *Ban Giám đốc và quản lý*

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Văn Thới	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Anh	Kế toán trưởng

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 28).

### SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có) của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

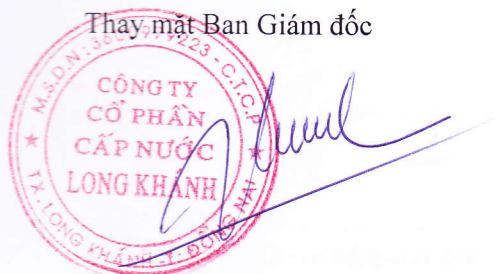
Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

#### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



**LÊ VĂN THỚI – Giám đốc**

Tỉnh Đồng Nai, ngày 24 tháng 07 năm 2014



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

06 tháng đầu năm 2014.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/06/2014	Số dư 01/01/2014
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>10.278.975.177</b>	<b>15.943.759.453</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>600.345.477</b>	<b>3.372.144.178</b>
Tiền	111		600.345.477	3.372.144.178
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.452.388.620</b>	<b>7.837.787.769</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	5.108.566.425	7.061.858.877
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	371.256.444	802.892.800
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	3.526.751	3.997.092
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(30.961.000)	(30.961.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>800.087.730</b>	<b>1.274.174.156</b>
Hàng tồn kho	141	V.7	800.087.730	1.274.174.156
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>426.153.350</b>	<b>459.653.350</b>
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	426.153.350	459.653.350
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>21.694.850.884</b>	<b>20.357.672.126</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>21.157.093.998</b>	<b>20.091.130.432</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	21.036.204.396	19.145.770.313
<i>Nguyên giá</i>	222		34.948.082.276	32.269.259.845
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(13.911.877.880)	(13.123.489.532)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	106.333.333	-
<i>Nguyên giá</i>	228		110.000.000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.666.667)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	14.556.269	945.360.119
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>537.756.886</b>	<b>266.541.694</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	537.756.886	266.541.694
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>31.973.826.061</b>	<b>36.301.431.579</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

06 tháng đầu năm 2014.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/06/2014	Số dư 01/01/2014
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.760.399.523</b>	<b>4.645.774.467</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.760.399.523</b>	<b>4.645.774.467</b>
1. Phải trả người bán	312	V.13	564.011.512	2.110.184.152
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	517.557.676	964.434.470
3. Phải trả người lao động	315		347.943.513	1.337.209.255
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	40.580.292	64.570.775
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	290.306.530	169.375.815
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>30.213.426.538</b>	<b>31.655.657.112</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>30.148.085.984</b>	<b>31.611.444.238</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		85.464.672	85.464.672
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.740.602.686	2.185.198.505
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		925.917.565	746.187.908
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.18	1.396.101.061	3.594.593.153
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>65.340.554</b>	<b>44.212.874</b>
Nguồn kinh phí	432		65.340.554	44.212.874
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>31.973.826.061</b>	<b>36.301.431.579</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		-	-

Tỉnh Đồng Nai, ngày 24 tháng 07 năm 2014



**LÊ VĂN THỜI**  
Giám đốc

**LÊ VĂN ANH**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**  
Người lập biểu



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

06 tháng đầu năm 2014.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

06 tháng đầu năm 2014

MẪU B 02-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		8.632.646.123	7.930.514.176
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	8.632.646.123	7.930.514.176
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.166.115.223	3.029.773.596
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.466.530.900	4.900.740.580
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	67.567.952	121.698.834
7 Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	24	VI.4	911.590.307	703.071.720
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2.487.515.851	1.967.037.976
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.134.992.694	2.352.329.718
11 Thu nhập khác	31	VI.6	52.950.000	1
12 Chi phí khác	32	VI.7	306.894.161	-
13 Lợi nhuận khác	40		(253.944.161)	1
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.881.048.533	2.352.329.719
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	484.947.472	588.082.429
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.396.101.061	1.764.247.290
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		558	706

Tỉnh Đồng Nai, ngày 24 tháng 07 năm 2014



**LÊ VĂN THỚI**  
Giám đốc

**LÊ VĂN ANH**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

06 tháng đầu năm 2014.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

06 tháng đầu năm 2014

**MẪU B 03-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		1.881.048.533	2.352.329.719
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		792.055.015	744.700.542
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(67.567.952)	(121.698.834)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		<u>2.605.535.596</u>	<u>2.975.331.427</u>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.381.467.101	811.004.160
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		474.086.426	(115.561.754)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(2.742.826.334)	(1.855.900.189)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(271.215.192)	60.845.595
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập đã nộp	14		(724.197.717)	(790.387.553)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(238.528.600)	(335.095.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<u>1.484.321.280</u>	<u>750.236.686</u>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.904.404.981)	(410.703.314)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		105.000.000	183.198.834
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<u>(1.799.404.981)</u>	<u>(227.504.480)</u>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.456.715.000)	(2.675.010.330)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(2.456.715.000)</u>	<u>(2.675.010.330)</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		<u>(2.771.798.701)</u>	<u>(2.152.278.124)</u>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		<u>3.372.144.178</u>	<u>3.444.046.038</u>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	V.1	<u><u>600.345.477</u></u>	<u><u>1.291.767.914</u></u>

Tỉnh Đồng Nai, ngày 24 tháng 07 năm 2014



**LÊ VĂN THỚI**  
Giám đốc

**LÊ VĂN ANH**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**  
Người lập biểu



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu 2014

MẪU B 09a-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Công ty Cổ Phần cấp nước Long Khánh (sau đây được gọi tắt là Công ty).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác, xây dựng, giám sát
- **Ngành nghề kinh doanh** : Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp. Phân phối nước sạch; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Theo dõi, giám sát thi công công trình cấp thoát nước. Tư vấn đầu thầu; Sản xuất các cấu kiện kim loại: Sản xuất sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc ( Không sản xuất tại trụ sở); Lắp đặt hệ thống, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm. Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước; Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi; Thoát nước và xử lý nước thải: Xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật); Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình giao thông; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc thiết bị ngành nước./.
- **Nhân viên** : Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 63 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 62 người).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 thuộc năm tài chính thứ 7 của Công ty dưới hình thức Cổ phần.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **3. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ chứng từ ghi sổ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

#### **2. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **3. Công cụ tài chính**

##### Ghi nhận ban đầu

##### ***Tài sản tài chính***

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ ngân.

##### ***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm khoản phải trả người bán và các khoản trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

#### **4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

#### **5. Đầu tư ngắn hạn**

Các khoản đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi và cho vay có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng.

#### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

#### **7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### Công ty trích lập dự phòng theo Thông tư 228:

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

##### *Nguyên tắc đánh giá*

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

##### *Phương pháp khấu hao áp dụng*

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	8 - 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8
Tài sản cố định khác	10

#### 9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí sửa chữa, cải tạo các giếng nước và sửa chữa hàng rào, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 24 tháng.

Giá trị còn lại của Tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận chuyển sang công cụ dụng cụ theo qui định của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 được phân bổ vào chi phí trong vòng 03 năm.

#### 10. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tổi thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tổi sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ được trích lập theo quyết định của Hội đồng cổ đông.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

---

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu dịch vụ lắp đặt đồng hồ nước được ghi nhận khi đã hoàn thành việc lắp đặt, khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu xây lắp được ghi nhận khi có quyết toán công trình và phát hành hóa đơn giá trị gia tăng.

##### Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí**

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

#### **13. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành đối với hoạt động kinh doanh nước, sản xuất nước đóng chai và hoạt động xây lắp là 22%.

Kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2014 Công ty kinh doanh có lãi nên phát sinh chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Đơn vị tính: VND	
	Tại ngày 30/06/2014	Tại ngày 01/01/2014
(a) Tiền mặt	133.925	3.400.824
<i>Tiền mặt VND</i>	133.925	3.400.824
(b) Tiền gửi ngân hàng	600.211.552	3.368.743.354
Tiền VND	600.211.552	3.368.743.354
<i>Ngân hàng NN &amp; PTNT Long Khánh</i>	377.338.925	2.134.618.462
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Long Khánh</i>	149.803.596	548.812.228
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Đồng Nai</i>	73.069.031	685.312.664
<b>Cộng</b>	<b>600.345.477</b>	<b>3.372.144.178</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

#### 2. Đầu tư ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2014	Tại ngày 01/01/2014
Cho vay với thời hạn 6 tháng (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>

(\*)Thể hiện khoản tiền cho Công ty TNHH 1 TV Cấp nước Đồng Nai vay với lãi suất 6,5%/năm (Năm 2013 lãi suất 7%/năm).

#### 3. Phải thu của khách hàng

Công ty Sonadezi An Bình	340.228.258	340.228.258
Công ty TNHH một thành viên xây dựng cấp nước Đồng Nai	71.434.210	2.279.339.565
Công ty TNHH Bình Sơn (*)	27.453.000	27.453.000
Ban quản lý Dự án Xuân Lộc (*)	3.508.000	3.508.000
Công ty TNHH Hồng Hà	39.116.201	137.700.701
Công ty Cổ phần du lịch Giang Điền	2.000.000.000	2.000.000.000
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Long Thành	728.741.762	728.741.762
Khách hàng khác	1.898.084.994	1.544.887.591
<b>Cộng</b>	<b>5.108.566.425</b>	<b>7.061.858.877</b>

(\*) Khoản công nợ đã trích lập dự phòng 30.961.000 VND

#### 4. Trả trước cho người bán

Công ty TNHH Đạt Thành Nguyên	-	631.181.100
Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt	-	15.000.000
Trung tâm kỹ thuật ĐC nhà đất tỉnh Đồng Nai	58.700.000	58.700.000
Công ty TNHH Công nghệ thông tin Vecto	-	27.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH DV Kiểm toán KT&TV thuế AAT	-	15.000.000
Trịnh Thành Trung	5.111.700	5.111.700
Nguyễn Phương Thúy	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH Tam Tấn	-	45.900.000
Công ty TNHH SXTM Khánh An Phát	36.494	-
Công ty TNHH chuyên đi Việt (CHUYENDV)	300.000.000	-
Phòng cảnh sát phòng cháy và chữa cháy	2.408.250	-
<b>Cộng</b>	<b>371.256.444</b>	<b>802.892.800</b>

#### 5. Các khoản phải thu khác

Bảo hiểm xã hội	3.526.751	2.881.248
Phải trả CBCNV	-	1.115.844
<b>Cộng</b>	<b>3.526.751</b>	<b>3.997.092</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

#### 6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Tại ngày 30/06/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công ty TNHH Bình Sơn	27.453.000	27.453.000
BQL dự án Xuân Lộc	3.508.000	3.508.000
<b>Cộng</b>	<b>30.961.000</b>	<b>30.961.000</b>

#### 7. Hàng tồn kho

Nguyên vật liệu	736.567.484	980.634.961
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	63.520.246	293.539.195
<b>Cộng</b>	<b>800.087.730</b>	<b>1.274.174.156</b>

#### 8. Tài sản ngắn hạn khác

<b>Tạm ứng</b>	<b>426.153.350</b>	<b>459.653.350</b>
Nguyễn Văn Hòa	104.876.500	116.876.500
Nguyễn Văn Sơn	2.000.000	2.000.000
Lê Văn Tú	10.623.000	4.823.000
Nguyễn Quang Minh	12.420.000	12.420.000
Phạm Hữu Hoạt	5.000.000	26.500.000
Hoàng Sỹ Châu	37.200.000	44.200.000
Lê Văn Anh	12.000.000	7.000.000
Lê Thị Kim Tuyết	18.789.600	18.389.600
Phan Thanh Hải	68.863.100	68.863.100
Thái Văn Sơn	25.210.150	67.410.150
Nguyễn Văn Vĩnh	7.052.000	26.052.000
Lê Thị Tuyết Nga	1.700.000	1.700.000
Nguyễn Cao Kỳ	13.000.000	-
Huỳnh Trường An	63.919.000	62.919.000
Nguyễn Hoàng Phúc	500.000	500.000
Nguyễn Thị Băng Linh	28.000.000	-
Nguyễn Thị Hồng Châu	15.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>426.153.350</b>	<b>459.653.350</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Tại ngày 01/01/2014	8.918.823.313	2.494.297.525	20.387.623.607	302.515.400	166.000.000	32.269.259.845
2. Tăng trong kỳ	1.269.760.507	1.022.190.500	386.871.424	-	-	2.678.822.431
<i>Mua trong kỳ</i>	-	212.942.500	-	-	-	212.942.500
<i>XDCB hoàn thành</i>	1.269.760.507	809.248.000	386.871.424	-	-	2.465.879.931
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>4. Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>10.188.583.820</b>	<b>3.516.488.025</b>	<b>20.774.495.031</b>	<b>302.515.400</b>	<b>166.000.000</b>	<b>34.948.082.276</b>
<b>II. Hao mòn lũy kế</b>						
1. Tại ngày 01/01/2014	2.966.490.742	1.526.040.780	8.433.203.635	152.104.375	45.650.000	13.123.489.532
2. Tăng trong kỳ	243.233.334	124.248.543	393.699.257	18.907.214	8.300.000	788.388.348
<i>Tăng trong kỳ</i>	243.233.334	124.248.543	393.699.257	18.907.214	8.300.000	788.388.348
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>4. Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>3.209.724.076</b>	<b>1.650.289.323</b>	<b>8.826.902.892</b>	<b>171.011.589</b>	<b>53.950.000</b>	<b>13.911.877.880</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày 01/01/2014	5.952.332.571	968.256.745	11.954.419.972	150.411.025	120.350.000	19.145.770.313
<b>2. Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>6.978.859.744</b>	<b>1.866.198.702</b>	<b>11.947.592.139</b>	<b>131.503.811</b>	<b>112.050.000</b>	<b>21.036.204.396</b>
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.924.033.052 VND						
	<b>894.800.706</b>	<b>713.073.902</b>	<b>316.158.444</b>	-	-	<b>1.924.033.052</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

### 10. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Cộng TSCĐ vô hình
<b>I. Nguyên giá</b>		
1. Tại ngày 01/01/2014	-	-
2. Tăng trong kỳ	110.000.000	110.000.000
<i>Mua trong kỳ</i>	<i>110.000.000</i>	<i>110.000.000</i>
3. Giảm trong kỳ	-	-
<b>4. Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>110.000.000</b>	<b>110.000.000</b>
<b>II. Hao mòn lũy kế</b>		
1. Tại ngày 01/01/2014	-	-
2. Tăng trong kỳ	3.666.667	3.666.667
<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>3.666.667</i>	<i>3.666.667</i>
3. Giảm trong kỳ	-	-
<b>4. Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>3.666.667</b>	<b>3.666.667</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
1. Tại ngày 01/01/2014	-	-
<b>2. Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>106.333.333</b>	<b>106.333.333</b>

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 01/01/2014	Tăng trong kỳ	Kết chuyển tài sản	Kết chuyển khác	Tại ngày 30/06/2014
Xây dựng tuyến ống KCN Suối Tre đến đường Hồ Thị Hương	36.491.172	274.187.461	310.678.633	-	-
Xây dựng nhà máy lọc nước tinh khiết	908.868.947	1.131.140.761	1.993.623.308	46.386.400	-
Lắp đặt tuyến ống đường Nguyễn Văn Cừ	-	76.192.791	76.192.791	-	-
Xây dựng nhà kho tại giếng số 7	-	85.385.199	85.385.199	-	-
Lắp đặt tuyến ống đường Lê Quang Định	-	14.556.269	-	-	14.556.269
<b>Cộng</b>	<b>945.360.119</b>	<b>1.581.462.481</b>	<b>2.465.879.931</b>	<b>46.386.400</b>	<b>14.556.269</b>

### 12. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2014	Tăng trong kỳ	Kết chuyển chi phí	Tại ngày 30/06/2014
Thổi rửa, sửa giếng	11.388.230	65.454.546	22.297.322	54.545.454
Công cụ dụng cụ	149.278.464	307.227.516	77.002.882	379.503.098
In 500.000 HĐ tiền nước	105.875.000	-	19.250.000	86.625.000
Tư vấn thiết kế	-	20.500.000	3.416.666	17.083.334
<b>Cộng</b>	<b>266.541.694</b>	<b>393.182.062</b>	<b>121.966.870</b>	<b>537.756.886</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**13. Phải trả cho người bán**

	Tại ngày 30/06/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công ty CP Đại Việt Lạc Hồng	4.400.000	-
Thái Văn Sơn	4.150.000	-
Trung tâm y tế dự phòng Đồng Nai	30.446.000	-
Công ty LD TNHH đồng hồ nước Zenner Comma	80.795.000	-
Công ty TNHH TM&DV Kỹ thuật DNK	44.130.800	44.130.800
Công ty CP nhựa Đồng Nai	26.125.000	10.090.080
Công ty TNHH TVĐT XD Mỹ Phát	-	4.018.000
Công ty TNHH MTV Thảo Phương Linh	-	4.797.210
Công ty TNHH Việt Tân Tiến	-	227.700.000
Công ty TNHH MTV Khánh Đông Nam	344.498	18.843.770
Công ty TNHH CK&XD Hiệp Phát	15.026.000	31.416.000
Công ty TNHH Tâm Lộc Phát	25.724.600	25.724.600
Công ty TNHH Ngọc Thạch	-	60.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Minh Hoà	-	30.800.000
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	275.047.522	1.652.663.692
<b>Cộng</b>	<b>564.011.512</b>	<b>2.110.184.152</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2014	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 30/06/2014
<b>I</b>	<b>Thuế</b>	<b>918.805.257</b>	<b>936.483.271</b>	<b>1.392.444.918</b>	<b>462.843.610</b>
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	301.301.440	99.943.421	359.865.877	41.378.984
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	574.197.717	484.947.472	724.197.717	334.947.472
3	Thuế thu nhập cá nhân	5.141.318	101.343.290	64.518.667	41.965.941
4	Thuế tài nguyên	38.164.782	247.249.088	240.862.657	44.551.213
5	Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.4000.000	-
	<i>Thuế môn bài</i>	-	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	-
<b>II</b>	<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>45.629.213</b>	<b>314.218.005</b>	<b>305.133.152</b>	<b>54.714.066</b>
1	Phí môi trường	45.629.213	302.424.523	293.339.670	54.714.066
2	Thuê đất	-	11.793.482	11.793.482	-
	<b>Cộng</b>	<b>964.434.470</b>	<b>1.250.701.276</b>	<b>1.697.578.070</b>	<b>517.557.676</b>

• **Thuế giá trị gia tăng:**

- Phương pháp tính thuế : phương pháp khấu trừ thuế
- Thuế suất áp dụng :
- + *Cung cấp nước* : 5%
- + *Lắp đặt, thi công* : 10%
- + *Bán nước đóng chai* : 10%

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp:**

(Xem thuyết minh số VI.6)

- **Các khoản thuế khác:**

Công ty kê khai và nộp theo các qui định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan Thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về Thuế đối với nhiều loại chi phí khác nhau có thể được giải trình theo nhiều cách khác nhau. Số Thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế.

- **Các khoản phải nộp khác:**

Khoản phí môi trường phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh trong kỳ.

#### 15. Phải trả phải nộp khác

	<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>Tại ngày 01/01/2014</b>
Kinh phí công đoàn	25.900.990	15.768.510
Bảo hiểm y tế	2.038.510	2.038.510
Bảo hiểm thất nghiệp	107.640	11.515
Phải trả khác	12.533.152	46.752.240
<b>Cộng</b>	<b>40.580.292</b>	<b>64.570.775</b>

#### 16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b>	<b>Chi quỹ trong kỳ</b>	<b>Tại ngày 30/06/2014</b>
Quỹ khen thưởng	19.600.090	215.675.589	188.858.600	46.417.079
Quỹ phúc lợi	149.775.725	143.783.726	49.670.000	243.889.451
<b>Cộng</b>	<b>169.375.815</b>	<b>359.459.315</b>	<b>238.528.600</b>	<b>290.306.530</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

#### 17. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	25.000.000.000	85.464.672	908.053.157	509.297.006	4.737.818.055	31.240.632.890
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	3.594.593.153	3.594.593.153
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.277.145.348	236.890.902	(1.514.036.250)	-
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(473.781.805)	(473.781.805)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.750.000.000)	(2.750.000.000)
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>85.464.672</b>	<b>2.185.198.505</b>	<b>746.187.908</b>	<b>3.594.593.153</b>	<b>31.611.444.238</b>
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	1.396.101.061	1.396.101.061
Phân phối lợi nhuận trong kỳ	-	-	555.404.181	179.729.657	(735.133.838)	-
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(359.459.315)	(359.459.315)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.452.250.000)	(2.452.250.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(47.750.000)	(47.750.000)
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>85.464.672</b>	<b>2.740.602.686</b>	<b>925.917.565</b>	<b>1.396.101.061</b>	<b>30.148.085.984</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

#### Chi tiết góp vốn như sau:

	<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>Tại ngày 01/01/2014</b>
Vốn góp của nhà nước	12.750.000.000	12.750.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	12.250.000.000	12.250.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	85.464.672	85.464.672
<b>Cộng</b>	<b>25.085.464.672</b>	<b>25.085.464.672</b>

#### Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	2.500.000	2.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 18. Lợi nhuận chưa phân phối

	<b>6 tháng năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	3.594.593.153	4.737.818.055
Lợi nhuận trong năm nay	1.396.101.061	3.594.593.153
Phân phối lợi nhuận(*)	3.594.593.153	4.737.818.055
<i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	555.404.181	1.277.145.348
<i>Trích quỹ dự phòng tài chính</i>	179.729.657	236.890.902
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	359.459.315	473.781.805
<i>Chia cổ tức</i>	2.452.250.000	2.750.000.000
<i>Khác</i>	47.750.000	-
<b>Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang kỳ sau</b>	<b>1.396.101.061</b>	<b>3.594.593.153</b>

(\*) Việc phân phối lợi nhuận năm 2013 được thực hiện theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 25/04/2014.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

#### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

##### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	<b>6 tháng đầu năm 2014</b>	<b>6 tháng đầu năm 2013</b>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>8.632.646.123</b>	<b>7.930.514.176</b>
- Doanh cấp nước	8.241.636.250	7.716.760.850
- Doanh thu nước đóng chai	136.406.360	-
- Doanh thu xây lắp	254.603.513	213.753.326
<b>Khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>8.632.646.123</b>	<b>7.930.514.176</b>

##### 2. Giá vốn hàng bán

	<b>6 tháng đầu năm 2014</b>	<b>6 tháng đầu năm 2013</b>
Giá vốn cung cấp nước	2.747.252.066	2.881.370.522
Giá vốn nước đóng chai	224.947.309	-
Giá vốn xây lắp	193.915.848	148.403.074
<b>Cộng</b>	<b>3.166.115.223</b>	<b>3.029.773.596</b>

##### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	10.400.952	48.198.834
Lãi đầu tư ngắn hạn	57.167.000	73.500.000
<b>Cộng</b>	<b>67.567.952</b>	<b>121.698.834</b>

##### 4. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	519.484.345	363.222.395
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	291.535.976	294.535.088
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	45.846.178	18.406.361
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.992.043	9.207.876
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.050.000	-
Chi phí bằng tiền khác	38.681.765	17.700.000
<b>Cộng</b>	<b>911.590.307</b>	<b>703.071.720</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	1.512.225.178	1.126.887.384
Chi phí đồ dùng văn phòng	65.139.839	76.013.902
Chi phí khấu hao TSCĐ	107.835.948	102.936.750
Thuế, phí và lệ phí	262.042.570	242.218.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	184.903.267	108.269.478
Chi phí bằng tiền khác	355.369.049	310.711.708
<b>Cộng</b>	<b>2.487.515.851</b>	<b>1.967.037.976</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>		
Thu nhập khác	52.950.000	1
<b>Cộng</b>	<b>52.950.000</b>	<b>1</b>
<b>7. Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	306.894.161	-
<b>Cộng</b>	<b>306.894.161</b>	<b>-</b>
<b>8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
	<b>6 tháng đầu năm 2014</b>	<b>6 tháng đầu năm 2013</b>
<b>Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN</b>	<b>1.881.048.533</b>	<b>2.352.329.719</b>
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	323.258.161	-
<i>Thu lao hội đồng quản trị không tham gia HDSXKD</i>	<i>60.000.000</i>	-
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>263.258.161</i>	-
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.204.306.694	2.352.329.719
Thuế suất thuế TNDN phải nộp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất	484.947.472	588.082.429
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự kiến phải nộp</b>	<b>484.947.472</b>	<b>588.082.429</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin so sánh

Số đầu năm của Công ty được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Đất Việt.

### 2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

#### Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm

#### Bên liên quan

Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai

#### Mối quan hệ

Công ty mẹ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

a) Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>6 tháng đầu 2014</b>	<b>6 tháng đầu 2013</b>
<b>Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai</b>		
Thu lãi cho vay	57.167.000	105.531.210
Nhận ứng trước công trình Tân Phú	-	340.787.790
Phải thu tiền bán nước đóng chai	5.500.000	-
Bù trừ công nợ	1.377.616.170	-

b) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>Tại ngày 01/01/2014</b>
Phải thu	71.434.210	2.279.339.565
Cho vay	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải trả	275.047.522	1.652.663.692

### 3. Công cụ tài chính

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các thành viên góp vốn (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

#### Các loại công cụ tài chính

	<b>Giá trị sổ sách</b>	
	<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>Tại ngày 01/01/2014</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	600.345.477	3.372.144.178
Đầu tư ngắn hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu khách hàng	5.077.605.425	7.030.897.877
<b>Cộng</b>	<b>8.677.950.902</b>	<b>13.403.042.055</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán	564.011.512	2.110.184.152
Các khoản phải trả khác	12.533.152	46.752.240
<b>Cộng</b>	<b>576.544.664</b>	<b>2.156.936.392</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

#### **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính.**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### **Rủi ro tín dụng.**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>			
Phải trả người bán	564.011.512	-	564.011.512
Các khoản phải trả khác	12.533.152	-	12.533.152
<b>Cộng</b>	<b>576.544.664</b>	<b>-</b>	<b>576.544.664</b>
<b>Tại ngày 01/1/2014</b>			
Phải trả người bán	2.110.184.152	-	2.110.184.152
Các khoản phải trả khác	46.752.240	-	46.752.240
<b>Cộng</b>	<b>2.156.936.392</b>	<b>-</b>	<b>2.156.936.392</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính khi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	600.345.477	-	600.345.477
Đầu tư ngắn hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Phải thu khách hàng	5.007.763.625	69.841.800	5.077.605.425
<b>Cộng</b>	<b>8.608.109.102</b>	<b>69.841.800</b>	<b>8.677.950.902</b>
<b>Tại ngày 01/1/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.372.144.178		3.372.144.178
Đầu tư ngắn hạn	3.000.000.000		3.000.000.000
Phải thu khách hàng	6.961.056.077	69.841.800	7.030.897.877
<b>Cộng</b>	<b>13.333.200.255</b>	<b>69.841.800</b>	<b>13.403.042.055</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

---

Tỉnh Đồng Nai, ngày 24 tháng 07 năm 2014



**LÊ VĂN THỚI**  
Giám đốc

**LÊ VĂN ANH**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**  
Người lập biểu